

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 1985 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh năm 2021**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn định mức, sử dụng máy móc thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT ngày 30/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm;*

*Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao đơn vị thực hiện mua sắm tập trung năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3074/TTr-STC-QLCSGC ngày 03/6/2021 (kèm văn bản tham gia ý kiến số 936/STTTT-CNIT ngày 14/5/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh năm 2021: Máy vi tính (để bàn, xách tay), máy in, máy photocopy, máy chiếu; cụ thể như sau:

### **1. Tiêu chuẩn chung**

- Ưu tiên đầu tư, mua sắm những sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin, phần cứng, thiết bị điện tử sản xuất trong nước, khi sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

- Có chi phí sản xuất trong nước đáp ứng quy định ưu đãi theo quy định pháp luật về đầu thầu; có tài liệu kỹ thuật và tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam; có cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì, nâng cấp và dịch vụ hậu mãi của nhà cung cấp.

### **2. Thông số kỹ thuật, mức giá dự toán**

**a) Máy tính để bàn trang bị phổ biến cho các chức danh làm việc:** Thông số kỹ thuật tối thiểu và mức giá dự toán tối đa từng loại máy tại phụ lục I kèm theo.

**b) Máy tính xách tay trang bị phổ biến cho các chức danh làm việc, phục vụ dùng chung:** Thông số kỹ thuật tối thiểu và mức giá dự toán tối đa từng loại máy tại phụ lục II kèm theo.

**c) Máy in trang bị phổ biến cho các chức danh làm việc, phục vụ dùng chung:** Thông số kỹ thuật tối thiểu và mức giá dự toán tối đa từng loại máy tại phụ lục III kèm theo.

**d) Máy chiếu trang bị phục vụ dùng chung:** Thông số kỹ thuật tối thiểu và mức giá dự toán tối đa từng loại máy tại phụ lục IV kèm theo.

**đ) Máy photocopy trang bị phục vụ dùng chung:** Thông số kỹ thuật tối thiểu và mức giá dự toán tối đa từng loại máy tại phụ lục V kèm theo.

Trong đó, mức giá dự toán tối đa áp dụng đối với:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là 52.400.000 đồng/chiếc;
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là 40.300.000 đồng/chiếc;
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã là 35.000.000 đồng/chiếc.

Mức giá dự toán các tài sản trên (máy vi tính, máy in, máy chiếu, máy photocopy) là giá tối đa, đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển lắp đặt tại đơn vị sử dụng và chi phí bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; chưa bao gồm tiền vật tư, phụ kiện không theo máy của nhà sản xuất.

**Điều 2.** Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mua sắm tập trung tổ chức thực hiện quy trình mua sắm tập trung tại địa phương theo đúng quy định của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Ban quản lý dự án cấp tỉnh quản lý; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**



**Phụ lục I**  
**Máy vi tính để bàn**

(Kèm theo Quyết định số: 1985 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn giá
I	Máy vi tính để bàn (thương hiệu Việt Nam)			
1	Cấu hình 1	Bộ	Bộ vi xử lý: CPU Intel Pentium Gold G6400 (4.0GHz, 2 nhân 4 luồng, 4MB Cache, 58W) - Socket Intel LGA1200 Bộ nhớ RAM: 4GB RAM DDR4 bus 2666 Ổ cứng: SSD 240Gb Bo mạch chủ: Intel® H410 Express Chipset Vỏ máy và nguồn Màn hình máy tính LED 21.5" Vỏ máy và nguồn Bàn phím USB - Chuột USB Hệ điều hành: Free DOS/Ubuntu	10.900
2	Cấu hình 2	Bộ	Bộ vi xử lý: CPU Intel Core i3-10100 (3.6GHz turbo up to 4.3Ghz, 4 nhân 8 luồng, 6MB Cache, 65W) Socket Intel LGA 1200 Bộ nhớ RAM: 4GB RAM DDR4 bus 2666 Ổ cứng: SSD 512Gb Bo mạch chủ: Intel® H410 Express Chipset Case và nguồn Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB - Chuột USB Hệ điều hành: Free DOS/Ubuntu	12.300
3	Cấu hình 3	Bộ	Bộ vi xử lý: CPU Intel Core i5-10400 (2.9GHz turbo up to 4.3GHz, 6 nhân 12 luồng, 12MB Cache, 65W) Socket Intel LGA 1200 Bộ nhớ RAM: 4GB RAM DDR4 bus 2666 Ổ cứng: SSD 512Gb Bo mạch chủ: Intel® 410 Express Chipset Case và nguồn Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB - Chuột USB Hệ điều hành: Free DOS/Ubuntu	14.000

**Phụ lục II**  
**Máy tính xách tay**

(Kèm theo Quyết định số: 1985/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn giá
I	Máy vi tính xách tay			
1	Cấu hình 1	Bộ	Bộ vi xử lý: Intel Core i3-1005G1 (1.2GHz, up to 3.4 GHz, 4 MB L3 cache, 2 nhân 4 luồng) Bộ nhớ RAM: 4GB 2666Mhz DDR4 Ổ cứng: 256 GB SSD VGA: tích hợp trên main Màn hình: 14" FHD Giao tiếp mạng: Fast Ethernet 10/100 /1000 Mbps/ 802.11ac/ Bluetooth Pin 2 cells 37WHrs Hệ điều hành: Windows 10 Home	10.600
2	Cấu hình 2	Bộ	Bộ vi xử lý: Intel Core i3-1115G4 (3.0 GHz, up to 4.1 GHz, 6Mb Cache; 2 nhân 4 luồng) Bộ nhớ RAM: 8GB 3200Mhz DDR4 Ổ cứng: 256GB SSD VGA: tích hợp trên main Màn hình: 15.6" FHD (1920x1080) Giao tiếp mạng: Fast Ethernet 10/100 /1000 Mbps/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell 42Wh Hệ điều hành: Windows 10 Home	13.000
3	Cấu hình 3	Bộ	Bộ vi xử lý: Intel Core i5-1035G1 (1.0GHz, up to 3.6 GHz, 6MB Cache; 4 nhân 8 luồng) Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 2666MHZ Ổ cứng: 256GB SSD Màn hình: 14" FHD VGA: tích hợp trên main Giao tiếp mạng: Fast Ethernet 10/100 /1000 Mbps/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell 42Whrs Hệ điều hành: Windows 10 Home	14.400



### Phụ lục III

#### Máy in

(Kèm theo Quyết định số: 1985/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn giá
I	Máy in			
1	Cấu hình 1	Bộ	Máy in laser đen trắng Khổ giấy: A4, B5, A5, Letter, Envelope Bộ nhớ: 32Mb Tốc độ: Khổ A4: 18 trang/phút In đảo mặt: Không Độ phân giải: 600 x 600dpi Công giao tiếp: USB/ WIFI Khay nạp giấy: 150 tờ	2.800
2	Cấu hình 2	Bộ	Máy in laser đen trắng Khổ giấy: A4, B5, A5, Letter, Envelope Bộ nhớ: 512Mb Tốc độ: khổ A4: 27 trang/phút In đảo mặt: Có Độ phân giải: 600 x 600dpi Công giao tiếp: USB/ LAN/ WIFI Khay nạp giấy: 250 tờ	4.100
3	Cấu hình 3	Bộ	Máy in laser đen trắng Khổ giấy: A4, B5, A5, A6, Legal, Letter, Statement, Executive Bộ nhớ: 1GB Tốc độ: khổ A4: 33 trang/phút In đảo mặt: Có Độ phân giải: 600 x 600dpi; 1200 x 1200dpi; 2400 x 600dpi Công giao tiếp: Kết nối có dây: USB2.0 High Speed, USB Host, 10Base-T / 100Base-TX / 1000Base-T; Kết nối không dây: Wi-Fi 802.11b/g/n (Infrastructure mode, WPS Easy Setup, Direct Connection) Khay giấy: 150 tờ	4.600

**Phụ lục IV**  
**Máy chiếu**

(Kèm theo Quyết định số: 1985/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn giá
I	Máy chiếu			
1	Cấu hình 1	Bộ	Công nghệ LCD/DLP Độ phân giải: 1024x768 px Độ tương phản: 10000:1 Độ sáng (ANSI lumen): 3000 Kích thước trình chiếu: 27" - 300" Tuổi thọ đèn chiếu: 10.000 giờ Công Kết nối: HDMI; VGA; Video; Svideo; Audio; USB	7.900
2	Cấu hình 2	Bộ	Công nghệ LCD/DLP Độ phân giải: 1920 x 1080 px Độ tương phản: 15000:1 Độ sáng (ANSI lumen): 3200 Kích thước trình chiếu: 33" - 320" Tuổi thọ đèn chiếu: 10.000 giờ Công Kết nối: HDMI; VGA; Video; Svideo; Audio; USB; RJ45; Wireless; Loa âm thanh: 16W	14.900
3	Cấu hình 3	Bộ	Công nghệ LCD/DLP Độ phân giải: 1920 x 1080 px Độ tương phản: 20000:1 Độ sáng (ANSI lumen): 3600 Kích thước trình chiếu: 33" - 320" Tuổi thọ đèn chiếu: 10.000 giờ Công Kết nối: HDMI; VGA; Video; Svideo; Audio; RJ45; Wireless; USB; Loa âm thanh: 10W	17.400



**Phụ lục V**

**Máy photocopy**

(Kèm theo Quyết định số: 1995/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn giá
I	<b>Máy photocopy</b>			
1	Cấu hình 1	Bộ	Chức năng tiêu chuẩn: Copy/In/Scan/Network Màn hình hiển thị: LCD Bộ nhớ: 512 MB Khổ giấy: A6 - A3 Khay giấy: Khay 1: 1 khay x 500 tờ, Khay tay: 100 tờ Tốc độ Copy: 27 trang A4/phút Tốc độ in: 27 trang A4/Phút Phương pháp in: Laser Ngôn ngữ in: Chuẩn PCL5, PCL6 In hai mặt tự động: Có sẵn Giao diện kết nối in: Ethernet, USB2.0 Kiểu scan: Màu/trắng đen	35.000
2	Cấu hình 2	Bộ	Chức năng tiêu chuẩn: Copy/In/Scan/Network Màn hình hiển thị: LCD Bộ nhớ: 2GB Khổ giấy: A6 - A3 Khay giấy: Khay 1,2: 2 khay x 500 tờ, Khay tay: 100 tờ Tốc độ Copy: 27 trang A4/phút Tốc độ in: 27 trang A4/Phút Phương pháp in: Laser Ngôn ngữ in: Chuẩn PCL5, PCL6 In 2 mặt tự động (Duplex): Có sẵn Giao diện kết nối in: Ethernet, USB2.0 Kiểu Scan: Màu/trắng đen	40.300
3	Cấu hình 3	Bộ	Chức năng tiêu chuẩn: Copy/In/Scan/Network Màn hình hiển thị: LCD Bộ nhớ: 2GB Ổ cứng HDD: 320GB Khổ giấy: A5 - A3 Khay giấy: Khay 1,2 : 500 tờ x 2 khay; Khay tay: 100 tờ Tốc độ copy: 35 trang/phút Tốc độ in: 35 trang/phút Phương pháp in: Laser Ngôn ngữ in: PCL5, PCL6 In 2 mặt tự động (Duplex): Có sẵn Giao diện kết nối in: Ethernet, USB2.0 Kiểu scan: Màu/trắng đen	52.400

